TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 223/2026/QĐST-HNGĐ	

Phú Thọ, ngày 22 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 382/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2026 về việc tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ nơi Đ: Thôn R, xã P, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh **Đỗ Văn T1,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn R, xã P, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Điều 55, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Đỗ Văn T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Hiếu Đ – sinh ngày 21/04/2013, Đỗ Thị Khánh L – sinh ngày 03/8/2014 và Đỗ Xuân T2 - sinh ngày 22/6/2018, kể từ khi ly hôn đến khi con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/con, tổng 03 con chung là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng , kể từ tháng 9/2026.

Khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì từ khi đến thời hạn trả tiền cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Đỗ Văn T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T1 thống nhất vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Đỗ Văn T1 thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đồng và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị T đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001475 ngày 11/8/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Phú Khê, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Trần Việt Dũng